

**Số: 39/2009/TT-BTTTT**

*Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2009*

## **THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 51/2008/QĐ-BTTTT ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy định về việc nghiệm thu sản lượng dịch vụ viễn thông công ích và thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ cung ứng dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2008 - 2010**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 191/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 67/2006/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch- Tài chính,

### **QUY ĐỊNH**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Quy định về nghiệm thu sản lượng dịch vụ viễn thông công ích và thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ cung ứng dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2008 – 2010 ban hành kèm theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BTTTT ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông như sau:

### **1. Bổ sung điểm c vào khoản 2, Điều 4 như sau:**

“c) Hướng dẫn các phòng Văn hoá - Thông tin cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện phổ biến chính sách về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến chính quyền cấp xã và tham gia phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thẩm tra, xác nhận sản lượng dịch vụ viễn thông công ích, đồng thời phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ về viễn thông công ích của Nhà nước tại địa phương.

### **2. Bổ sung khoản 5, 6 vào Điều 7 như sau:**

“5. Biên bản xác định kinh phí hỗ trợ cung ứng dịch vụ viễn thông công ích.”

“6. Báo cáo tình hình trừ vào cước sử dụng dịch vụ kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối và hỗ trợ cước duy trì thuê bao điện thoại cố định cho chủ thuê bao tại vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đối với những thuê bao phát triển mới của cá nhân, hộ gia đình và Báo cáo danh sách cá nhân, hộ gia đình được trừ vào cước sử dụng dịch vụ kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối và hỗ trợ cước duy trì thuê bao điện thoại cố định tại vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích”.

### **3. Sửa đổi khoản 1, Điều 8 như sau:**

“1. Tạm cấp kinh phí hàng quý:

a) Trong phạm vi 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Biên bản xác nhận sản lượng dịch vụ viễn thông công ích đã thực hiện kỳ trước của ít nhất 2/3 (hai phần ba) số địa phương có vùng công ích và các hồ sơ liên quan, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tạm ứng 75% kinh phí hỗ trợ cho kỳ sau (kinh phí hỗ trợ từng kỳ theo quy định của Hợp đồng cung ứng dịch vụ viễn thông công ích ) trên cơ sở tiến độ hoàn thành sản lượng kỳ trước của doanh nghiệp theo Hợp đồng (riêng quý I, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tạm cấp cho doanh nghiệp 75% kinh phí duy trì theo sản lượng của quý IV của năm liền kề).

b) Việc tạm ứng kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông công ích không phân biệt kỳ nghiệm thu 3 tháng hoặc 6 tháng một lần mà theo Hợp đồng cung ứng dịch vụ viễn thông công ích.

c) Đối với kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho thuê bao cá nhân, hộ gia đình phát triển mới, Quỹ tạm ứng cho doanh nghiệp theo tiến độ trừ vào cước sử dụng dịch vụ thực tế hàng quý.”

#### **4. Bổ sung điểm c vào khoản 2, Điều 8 như sau:**

“c) Đối với kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho thuê bao cá nhân hộ gia đình phát triển mới, Quỹ thanh toán cho doanh nghiệp theo tiến độ trừ vào cước sử dụng thực tế hàng quý.”

#### **5. Bổ sung Điều 10 vào Chương II như sau:**

“**Điều 10.** Xử lý thẩm tra, xác nhận, nghiệm thu sản lượng dịch vụ viễn thông công ích năm 2009:

Năm 2009, việc thẩm tra, xác nhận và nghiệm thu sản lượng dịch vụ viễn thông công ích được chia thành 02 đợt: 3 quý đầu năm và quý IV kết hợp cả năm”.

**6. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1-** Biểu mẫu báo cáo, xác nhận, nghiệm thu sản lượng và thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ cung ứng dịch vụ viễn thông công ích (ban hành kèm theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BTTTT ngày 18/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông):

a) Sửa đổi, bổ sung Biên bản nghiệm thu sản lượng và kinh phí hỗ trợ cung ứng dịch vụ viễn thông công ích (mẫu 04-TT/VTCI tại phần II Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BTTTT ngày 18/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông) như [Phụ lục 1](#) kèm theo Thông tư này.

b) Sửa đổi, bổ sung Bảng kê chi tiết thuê bao điện thoại cố định và Bảng kê chi tiết thuê bao Internet ADSL trong vùng công ích tại phần IV Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BTTTT ngày 18/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông như [Phụ lục 2](#) kèm theo Thông tư này.

c) Bổ sung Danh mục và chi tiết Biểu mẫu Báo cáo tình hình giảm trừ kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối vào cước sử dụng hàng tháng đối với những thuê bao phát triển mới của cá nhân, hộ gia đình và Báo cáo danh sách hộ gia đình được giảm trừ vào cước sử dụng dịch vụ kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối và hỗ trợ cước duy trì thuê bao điện thoại cố định tại vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích vào phần II mục A và phần II mục C Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BTTTT ngày 18/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông như [Phụ lục 3](#) kèm theo Thông tư này.

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010, áp dụng cho việc nghiệm thu sản lượng và thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ cung ứng dịch vụ viễn thông công ích theo Hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ viễn thông công ích các năm 2009-2010.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Viễn thông, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng công nghệ thông tin và truyền thông; Hội đồng quản lý, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Giám đốc các Sở Thông tin và Truyền thông; Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông công ích và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm triển khai thi hành Thông tư này.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Viện Kiểm sát NDTC;
- Toà án NDTC;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ TTTT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ TTTT;
- TTĐT Chính phủ, Công báo;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- Lưu VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Trần Đức Lai**